

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **TỔNG HỢP**

### **QUÝ 1 NĂM 2016**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, KP 3, P.Tăng Nhơn Phú B, Q9, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01- DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,655,200,780,070</b>	<b>1,692,328,857,803</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>119,629,367,436</b>	<b>93,849,745,916</b>
1. Tiền	111	1	119,629,367,436	93,849,745,916
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>60,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	2	-	60,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,068,808,489,185</b>	<b>1,111,434,355,677</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	535,400,301,077	659,798,528,550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	93,608,160,048	34,710,886,678
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		206,229,613,932	215,522,613,932
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	336,152,170,990	306,572,514,937
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	6	(103,043,407,673)	(105,536,231,344)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		461,650,811	366,042,924
<b>IV. Hàng hoá tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>448,329,662,967</b>	<b>459,280,154,893</b>
1. Hàng hoá tồn kho	141	7	466,932,960,199	477,883,452,125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18,603,297,232)	(18,603,297,232)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,433,260,483</b>	<b>27,704,601,317</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	4,578,866,937	3,583,755,952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	9	13,646,624,531	23,888,742,982
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	10	207,769,015	232,102,384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,000,667,165,065</b>	<b>2,068,898,550,987</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>457,660,409,720</b>	<b>457,660,409,720</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		4,800,000,000	4,800,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		452,860,409,720	452,860,409,720
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>803,395,570,162</b>	<b>832,480,662,665</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	11	765,952,370,435	793,041,973,824
- Nguyên giá	222		1,183,447,493,552	1,182,933,216,317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(417,495,123,117)	(389,891,242,493)



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. TSCĐ thuê tài chính	224	12	37,443,199,727	39,438,688,841
- Nguyên giá	225		47,123,451,880	47,123,451,880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9,680,252,153)	(7,684,763,039)
3. TSCĐ vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		158,000,000	158,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158,000,000)	(158,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>14,274,954,920</b>	<b>14,355,377,202</b>
- Nguyên giá	231		14,476,010,625	14,476,010,625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(201,055,705)	(120,633,423)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>29,020,261,064</b>	<b>14,423,331,853</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29,020,261,064	14,423,331,853
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>692,848,186,706</b>	<b>743,408,186,706</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		207,031,059,444	267,791,059,444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		382,028,467,354	377,028,467,354
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		171,111,620,544	171,111,620,544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(67,322,960,636)	(72,522,960,636)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,467,782,493</b>	<b>6,570,582,841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3,467,782,493	6,570,582,841
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,655,867,945,135</b>	<b>3,761,227,408,790</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,496,066,955,230</b>	<b>2,548,476,519,860</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,398,857,558,245</b>	<b>1,459,886,708,308</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	284,015,478,422	256,531,323,883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	22,562,652,581	18,776,867,559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	19	4,232,287,931	10,345,481,260
4. Phải trả cho người lao động	314		69,954,211,662	86,982,602,890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	5,377,907,053	4,040,489,566
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiền độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		449,759,000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	105,918,404,592	70,218,329,120
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	902,834,286,557	1,008,501,902,895
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2,825,931,874	3,700,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		686,638,573	789,711,135
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,097,209,396,985</b>	<b>1,088,589,811,552</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
7. Phải trả dài hạn khác	337		9,776,000,000	9,776,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1,087,433,396,985	1,078,813,811,552
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,159,800,989,905</b>	<b>1,212,750,888,930</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,159,800,989,905</b>	<b>1,212,750,888,930</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	733,505,810,000	733,505,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,368,276,001	32,368,276,001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	269,161,397,568	269,161,397,568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	21	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124,765,506,336	177,715,405,361
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		85,948,731,819	177,715,405,361
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,816,774,517	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,655,867,945,135</b>	<b>3,761,227,408,790</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 1 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 1		Lũy kế đến quý báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	3	4
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	650,700,063,559	795,558,166,805	650,700,063,559	795,558,166,805
2 - Các khoản giảm trừ	02		26,434,174	113,417,135	26,434,174	113,417,135
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10= 01-03)	10	VI.25	650,673,629,385	795,444,749,670	650,673,629,385	795,444,749,670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	583,527,916,016	722,816,177,692	583,527,916,016	722,816,177,692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		67,145,713,369	72,628,571,978	67,145,713,369	72,628,571,978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	36,644,889,899	43,825,674,244	36,644,889,899	43,825,674,244
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	20,916,425,273	25,704,636,266	20,916,425,273	25,704,636,266
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>21,965,847,940</i>	<i>20,571,104,336</i>	<i>21,965,847,940</i>	<i>20,571,104,336</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.29	18,702,199,364	19,531,318,849	18,702,199,364	19,531,318,849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.30	25,685,392,339	27,959,736,236	25,685,392,339	27,959,736,236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		38,486,586,292	43,258,554,871	38,486,586,292	43,258,554,871
11. Thu nhập khác	31	VI.31	357,177,700	1,330,528,753	357,177,700	1,330,528,753
12. Chi phí khác	32	VI.32	26,989,475	3,042,059,979	26,989,475	3,042,059,979
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		330,188,225	(1,711,531,226)	330,188,225	(1,711,531,226)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		38,816,774,517	41,547,023,645	38,816,774,517	41,547,023,645
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		38,816,774,517	41,547,023,645	38,816,774,517	41,547,023,645
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

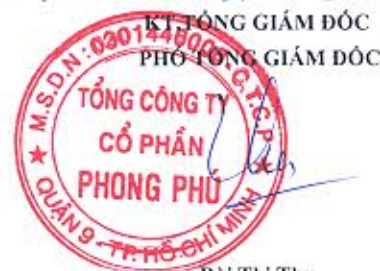


Lê Thị Tú Anh

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Quý 1 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Q1/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	861,315,939,543	861,315,939,543	860,247,802,266
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(669,403,930,990)	(669,403,930,990)	(626,362,281,167)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(72,994,972,050)	(72,994,972,050)	(80,821,561,145)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(19,874,819,564)	(19,874,819,564)	(17,300,369,786)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-	(522,190,418)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24,471,598,747	24,471,598,747	12,969,920,292
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36,357,299,132)	(36,357,299,132)	(9,432,226,697)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>87,156,516,554</b>	<b>87,156,516,554</b>	<b>138,779,093,345</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	(17,500,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9,293,000,000	9,293,000,000	1,360,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	(5,200,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	56,000,000,000	56,000,000,000	814,277,649
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14,293,042,644	14,293,042,644	5,509,645,928
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>79,586,042,644</b>	<b>79,586,042,644</b>	<b>(15,016,076,423)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	622,276,781,359	622,276,781,359	865,955,028,289
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(720,772,387,612)	(720,772,387,612)	(973,417,908,517)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	(266,851,380)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41,924,023,840)	(41,924,023,840)	(594,026,500)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(140,419,630,093)</b>	<b>(140,419,630,093)</b>	<b>(108,323,758,108)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>26,322,929,105</b>	<b>26,322,929,105</b>	<b>15,439,258,814</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>93,849,745,916</b>	<b>93,849,745,916</b>	<b>33,715,671,913</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại</b>	<b>61</b>	<b>(543,307,585)</b>	<b>(543,307,585)</b>	<b>(35,826,616)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>119,629,367,436</b>	<b>119,629,367,436</b>	<b>49,119,104,111</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

141

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1/2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Mua bán sợi, vải, khăn, chi may, chi thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc; Kinh doanh dịch vụ vận tải,...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

11/21/2016 10:00 AM

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.069.657.532	558.355.263
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.559.709.904	93.291.390.653
<b>Cộng</b>	<b><u>119.629.367.436</u></b>	<b><u>93.849.745.916</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b><i>Đầu tư vào công ty con</i></b>	<b><i>207.031.059.444</i></b>	<b><i>(32.126.151.209)</i></b>	<b><i>267.791.059.444</i></b>	<b><i>(42.326.151.209)</i></b>
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.530.712.643	-	172.090.712.643	-
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	23.530.320.091	(23.530.320.091)	23.530.320.091	(23.530.320.091)
Công ty cổ phần may Gia Phúc			10.200.000.000	(10.200.000.000)
Công ty TNHH Linen Supply Services	19.098.000.000	(8.595.831.118)	19.098.000.000	(8.595.831.118)
<b><i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i></b>	<b><i>382.028.467.354</i></b>	<b><i>(31.626.970.703)</i></b>	<b><i>377.028.467.354</i></b>	<b><i>(26.626.970.703)</i></b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	-	50.632.741.945	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	12.171.270.094	(971.270.095)	12.171.270.094	(971.270.095)

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	36.000.000.000		36.000.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000		17.700.000.000	-
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	6.615.800.129		6.615.800.129	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(25.655.700.608)	144.586.200.608	(25.655.700.608)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000		7.299.200.000	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.000.000.000	(5.000.000.000)		
<b>Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>171.111.620.544</b>	<b>(3.569.838.724)</b>	<b>171.111.620.544</b>	<b>(3.569.838.724)</b>
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(412.689.373)	5.852.355.319	(412.689.373)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	-	2.984.184.383	-
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	(63.840.180)	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	53.163.455.345	-	53.163.455.345	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.469	-	14.093.555.469	-
<b>Cộng</b>	<b>760,171,147,342</b>	<b>(67.322.960.636)</b>	<b>815.931.147.342</b>	<b>(72.522.960.636)</b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	72.522.960.636
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.200.000.000)
<b>Số cuối quý</b>	<b>67.322.960.636</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>264.171.871.592</i>	<i>248.740.215.776</i>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45.984.313.851	45.984.313.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	16.197.390.667	312.613.761
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.729.065.092	67.594.248.784
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	38.519.599.442	38.102.115.782
Công ty cổ phần dệt may Đông Nam	519.034.408	519.034.408
Công ty TNHH Coast Phong Phú	68.528.606.347	75.510.512.428
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại Phong Phú	2.000.720.650	13.791.115.974
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	16.523.710.319	91.000.880
Công ty TNHH Linen Supply Services	2.080.017.346	2.035.920.956
Công ty cổ phần may Gia Phúc	6.089.413.470	4.799.338.952
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>271.228.429.485</i>	<i>411.058.312.774</i>
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	48.117.965.405	91.652.764.666
Các khách hàng khác	223.110.464.080	319.405.548.108
<b>Cộng</b>	<b><u>535.400.301.077</u></b>	<b><u>659.798.528.550</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>62.618.994.736</i>	<i>17.618.994.736</i>
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	60.000.000.000	15.000.000.000
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	10.080.000	10.080.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>30.989.165.312</i>	<i>17.09.891.942</i>
Olam International Limited		4.167.730.725
Các nhà cung cấp khác	30,989,165,312	12.924.161.217
<b>Cộng</b>	<b><u>93.608.160.048</u></b>	<b><u>34.710.886.678</u></b>

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

#### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>191.160.905.630</i>	<i>193.453.905.630</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	68.300.000.000	68.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45360.905.630	47.653.905.630
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>15.068.708.302</i>	<i>22.068.708.302</i>
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	10.500.000.000	17.500.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	-	-
Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn	4.568.708.302	4.568.708.302
<b>Cộng</b>	<b><u>206.229.613.932</u></b>	<b><u>215.522.613.932</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>4.800.000.000</i>	<i>4.800.000.000</i>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>236.946.651.245</i>	<i>(3.277.816.623)</i>	<i>208.932.431.796</i>	<i>(3.277.816.623)</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Lợi nhuận được chia	161.000.000.000	-	161.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	46.555.994.446	-	21.969.188.891	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay	13.652.472.225	(3.015.699.860)	12.078.551.386	(3.015.699.860)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	2.994.867.894	-	2.994.867.894	-
Công ty cổ phần dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	12.006.151.112	-	10.213.956.667	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	737.165.568	(262.116.763)	675.866.958	(262.116.763)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>99.199.158.742</i>	<i>(4.542.551.090)</i>	<i>97.640.083.141</i>	<i>(4.542.551.090)</i>
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	51.145.000.000	-	51.145.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	48.060.519.745	(4.542.551.090)	46.495.083.141	(4.542.551.090)
<b>Cộng</b>	<b>336.152.170.990</b>	<b>(7.820.367.713)</b>	<b>306.572.514.937</b>	<b>(7.820.367.713)</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	450.847.335.508	-	450.847.335.508	-
- Công ty cổ phần HUD Sơn Trà	69.655.996.716	-	69.655.996.716	-
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	92.607.870.584	-	92.607.870.584	-
- Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	-	25.102.773.208	-
- Dự án trung tâm thương mại	-	-	-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phước Long B</i>				
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Ký quỹ dài hạn	2.013.074.212	-	2.013.074.212	-
<b>Cộng</b>	<b>452.860.409.720</b>	<b>-</b>	<b>452.860.409.720</b>	<b>-</b>

**7. Nợ xấu**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	<i>105.763.941.740</i>	<i>9.298.756.455</i>	<i>108.056.941.740</i>	<i>9.298.756.455</i>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	91.345.219.481	-	93.638.219.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	12.607.123.327	8.143.654.295	12.607.123.327	8.143.654.295
Công ty cổ phần may Gia Phúc	1.314.600.030	920.220.021	1.314.600.030	920.220.021
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	496.998.902	234.882.139	496.998.902	234.882.139
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.178.320.976</i>	<i>600.098.589</i>	<i>7.577.968.319</i>	<i>799.922.260</i>
<b>Cộng</b>	<b>112.942.262.716</b>	<b>9.898.855.044</b>	<b>115.634.910.059</b>	<b>10.098.678.715</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	105.536.231.344
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	(2.492.823.671)
<b>Số cuối quý</b>	<b>103.043.407.673</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.302.466.347	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	72.180.998.944	(3.080.860.017)	74.785.778.629	(3.080.860.017)
Công cụ, dụng cụ	469.473	-	981.306	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	260.604.839.750	(1.287.478.358)	261.324.370.398	(1.287.478.358)
Thành phẩm	115.095.696.326	(14.054.165.564)	126.512.952.338	(14.054.165.564)
Hàng hóa	25.568.663	(13.613.077)	158.207.026	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	16.722.920.696	(167.180.217)	15.101.162.428	(167.180.217)
<b>Cộng</b>	<b>466.932.960.199</b>	<b>(18.603.297.232)</b>	<b>477.883.452.125</b>	<b>(18.603.297.232)</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	18.603.297.232
Trích lập dự phòng bổ sung	
Số cuối quý	<u>18.603.297.232</u>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quảng cáo	296.969.699	424.242.425
Chi phí sửa chữa	2.400.432.026	544.243.349
Công cụ, dụng cụ		239.999.999
Chi phí thuê	1.753.906.300	1.021.000.000
Chi phí khác	127.558.912	1.354.270.179
Cộng	<u>4.578.866.937</u>	<u>3.583.755.952</u>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	750.000.000	1.956.733.416
Công cụ, dụng cụ	19.782.492	1.809.349.424
Chi phí khác	2.698.000.000	2.804.500.001
Cộng	<u>3.467.782.492</u>	<u>6.570.582.841</u>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	252.590.793.816	901.898.383.813	25.833.971.345	2.610.067.343	1.182.933.216.317
Mua trong năm		514.277.235			514.277.235
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Phân loại lại					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác (*)					
Số cuối quý	<u>252.590.793.816</u>	<u>902.412.661.048</u>	<u>25.833.971.345</u>	<u>2.610.067.343</u>	<u>1.183.447.493.552</u>
Trong đó:					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	86.110.823.878	287.543.238.634	14.162.385.522	2.074.794.460	389.891.242.494
Khấu hao trong năm	2.481.836.984	23.832.718.379	740.544.773	93.574.200	27.148.674.336
Thanh lý, nhượng bán					
Phân loại lại		455.206.287			455.206.287
Số cuối quý	<u>88.592.660.862</u>	<u>311.831.163.300</u>	<u>14.902.930.295</u>	<u>2.168.368.660</u>	<u>417.495.123.117</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	166.479.969.938	614.355.145.179	11.671.585.823	535.272.883	793.041.973.823
Số cuối quý	<u>163.998.132.954</u>	<u>590.581.497.748</u>	<u>10.931.041.050</u>	<u>441.698.683</u>	<u>765.952.370.435</u>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	47.123.451.880	7.684.763.039	39.438.688.841
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm		2.450.695.401	
Phân loại lại		(455.206.287)	
<b>Số cuối quý</b>	<b>47.123.451.880</b>	<b>9.680.252.153</b>	<b>37.443.199.727</b>

### 12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	158.000.000	158.000.000	
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối quý</b>	<b>158.000.000</b>	<b>158.000.000</b>	<b>-</b>

### 13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	120.633.423	14.355.377.202
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			
Khấu hao trong năm		80.422.282	
<b>Số cuối quý</b>	<b>14.476.010.625</b>	<b>201.055.705</b>	<b>14.274.954.920</b>

Bất động sản đầu tư là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Mua sắm tài sản cố định	218.543.000	14.566.352.429
Xây dựng cơ bản dở dang	14.204.788.853	14.453.908.635
<b>Cộng</b>	<b>14.423.331.853</b>	<b>29.020.261.064</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>22,30,201.010</i>	<i>181.920.669.031</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	153.069.653.294	118.238.210.678
Công ty TNHH Coats Phong Phú	29.161.828.133	26.781.143.894
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	41.074.719.583	36.901.314.459
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>60.709.277.412</i>	<i>74.610.654.852</i>
Các nhà cung cấp khác	60.709.277.412	74.610.654.852
<b>Cộng</b>	<b>284.015.478.422</b>	<b>256.531.323.883</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>22.562.652.581</b>	<b>18.776.867.559</b>
Cty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Ông Phạm Thanh Khiết BEAUTY GARAGE INC	2.651.786.732	2.130.849.262
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Vinh	2.316.952.000	
Các khách hàng khác	7.631.335.949	6.683.440.397
<b>Cộng</b>	<b><u>22.562.652.581</u></b>	<b><u>18.776.867.559</u></b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối quý</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	58.528.769	-	218.257.247	(271.234.536)	5.551.480	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-			-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.333.369	64.094.274	(39.760.905)		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	207.769.015				-(207.769.015)
Thuế thu nhập cá nhân	8.363.585.375	-	2.886.733.352	(10.545.073.108)	705.245.619	-
Thuế tài nguyên	17.999.999	-	54.000.000	(54.000.000)	17.999.999	-
Tiền thuê đất	1.848.484.092	-	1.655.006.741		3.503.490.833	-
Các loại thuế khác	56.883.025	-	45.781.014	(102.664.039)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.345.481.260</u></b>	<b><u>232.102.384</u></b>	<b><u>4.923.872.628</u></b>	<b><u>(11.012.732.588)</u></b>	<b><u>4.232.287.931</u></b>	<b><u>(207.769.015)</u></b>

**18. Phải trả người lao động**

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	1.133.824.573	1.768.769.518
Chi phí lãi vay	561.375.517	2.045.720.048
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.682.706.963	226.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.377.907.053</u></b>	<b><u>4.040.489.566</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>6.071.777.779</b>	<b>5.875.243.057</b>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	1.071.777.779	875.243.057
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>99.851.626.813</b>	<b>64.343.086.063</b>
Kinh phí công đoàn	465.682.380	372.422.190
Bảo hiểm y tế	204.760.539	110.768.406
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	69.463.242.050	24.748.957.950
Lãi vay phải trả	26.858.731.312	14.990.814.646
Nhận ký quỹ ngắn hạn		22.319.805.508
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.854.210.532	1.800.317.363
<b>Cộng</b>	<b><u>105.918.404.592</u></b>	<b><u>70.218.329.120</u></b>

**20b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư Phước Long - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang - Nhận góp vốn dài hạn	2.950.000.000	2.950.000.000
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.776.000.000</u></b>	<b><u>9.776.000.000</u></b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>10.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
Vay Tập đoàn dệt may Việt Nam <sup>(i)</sup>	10.500.000.000	17.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>892.334.286.557</b>	<b>991.001.902.895</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	784.395.188.710	870.982.257.663
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	177.708.146.814	153.037.762.467
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	17.605.570.484	52.822.165.442
Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	74.515.061.147	72.080.025.030
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	140.165.794.621	148.621.399.350
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	322.145.192.009	394.827.467.136
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	6.787.213.772	5.862.068.375

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa pp	Cộng
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	733.505.810.000	32.368.276.001	269.161.397.568	177.715.405.361	1.212.750.888.930
<b>2. Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	38.816.774.517	38.816.774.517
Tăng từ kết quả kinh doanh				38.816.774.517	38.816.774.517
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	91.766.673.542	91.766.673.542
Phân phối lợi nhuận năm 2015 :				91.766.673.542	91.766.673.542
Trong đó :					
+ Phân phối quỹ tại TCT				3.745.976.342	3.745.976.342
+ Thù lao HĐQT					
+ Chia cổ tức năm 2015				88.020.697.200	88.020.697.200
Phân phối lợi nhuận năm 2016 :				-	-
+ Tam phân phối quỹ tại TCT				-	-
+ Thù lao HĐQT+BKS				-	-
Giảm do phân phối lại LN				-	-
Giảm khác				-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	733.505.810.000	32.368.276.001	269.161.397.568	124.765.506.336	1.159.800.989.905

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>733.505.810.000</u></b>	<b><u>733.505.810.000</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	251.664.275.163	304.979.101.501
Doanh thu bán các thành phẩm	375.973.862.933	468.821.619.419
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.066.860.109	17.265.672.620
Doanh thu kinh doanh bất động sản	6.724.431.354	4.302.740.727
Doanh thu trường mầm non	270.634.000	189.032.538
<b>Cộng</b>	<b><u>650.700.063.559</u></b>	<b><u>795.558.166.805</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Hàng bán bị trả lại	26.434.174	113.417.135
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>	<b><u>26.434.174</u></b>	<b><u>113.417.135</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	236.425.299.769	283.291.930.001
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	325.150.679.394	420.933.006.030
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.097.572.849	15.328.266.192
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5.640.831.596	3.210.170.092
Giá vốn mầm non	213.532.408	52.805.377
<b>Cộng</b>	<b><u>583.527.916.016</u></b>	<b><u>722.816.177.692</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	53.944.728	61.716.235
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	241.800.000	208.937.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.386.805.555	42.457.890.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	596.516.859	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	321.015.123	1.006.653.296
Doanh thu tài chính khác	44.807.634	90.477.267
<b>Cộng</b>	<b><u>36.644.889.899</u></b>	<b><u>43.825.674.244</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Chi phí lãi vay	21.965.847.940	20.571.104.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.595.112.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá	844.913.250	3.538.419.110
Chi phí liên quan đến nhượng bán các khoản đầu tư tài chính		55.722.351
(Hoàn nhập) /trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(5.200.000.000)	(55.722.351)
Chi phí tài chính khác	3.305.664.083	
<b>Cộng</b>	<b><u>20.916.425.273</u></b>	<b><u>25.704.636.266</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	6.547.838.358	7.388.919.125
Chi phí vật liệu, bao bì	179.703.815	21.475.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.782.820	30.907.821
Chi phí vận chuyển	4.608.904.883	4.385.786.753
Chi phí khác	7.343.969.488	7.704.229.640
<b>Cộng</b>	<b><u>18.702.199.364</u></b>	<b><u>19.531.318.849</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Chi phí nhân viên	14.320.135.804	13.863.938.719
Chi phí nguyên vật liệu	862.136.736	1.836.277.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	557.713.770	591.458.959
Thuế, phí và lệ phí	448.764.992	368.881.921
Chi phí dự phòng	(2.492.823.671)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.069.454.716	2.634.615.153
Chi phí khác	7.920.009.992	8.664.564.140
<b>Cộng</b>	<b><u>25.685.392.339</u></b>	<b><u>27.959.736.236</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	181.818.182	
Thu nhập chuyển nhượng dự án		1.162.405.455
Thu bồi thường tiền hàng	126.433.048	145.866.791
Thu nhập khác	48.926.470	22.256.507
<b>Cộng</b>	<b><u>357.177.700</u></b>	<b><u>1.330.528.753</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 9. Chi phí khác

	<u>Quý 1 2016</u>	<u>Quý 1 2015</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	1.140.601.746
Chi phí nhượng bán dự án		1.707.202.236
Phạt vi phạm hợp đồng	22.340.000	151.517.918
Chi phí khác	4.649.475	42.738.079
<b>Cộng</b>	<b><u>26.989.475</u></b>	<b><u>3.042.059.979</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Lê Thị Tú Anh  
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu  
Phó Tổng Giám đốc